

Số: 415 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO****Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**  
(Từ 16h00 ngày 24/3/2022 đến 16h00 ngày 25/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

**I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 478,3 triệu ca, trong đó trên 6,1 triệu ca tử vong.

Các chuyên gia y tế đều cho rằng virus SARS-CoV-2 gây bệnh COVID-19 chủ yếu lây truyền qua không khí. Tuy nhiên, đã có những lo ngại, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của đại dịch, về nguy cơ virus lây lan khi con người chạm vào các bề mặt chứa virus. Hai nghiên cứu gần đây phát hiện ra rằng biến thể Omicron tồn tại lâu hơn trên bề mặt và trên da người so với các biến thể khác.

Trong nghiên cứu thứ nhất, các nhà khoa học thử nghiệm trên các mẫu da người cũng như thử nghiệm bề mặt khác là nhựa. Trên bề mặt nhựa, chủng virus ban đầu của SARS-CoV-2 được phát hiện tại thành phố Vũ Hán (Trung Quốc) tồn tại 56 giờ. Các biến thể sau đó của virus gồm Alpha, Beta, Gamma và Delta lần lượt tồn tại trong khoảng 191, 157, 59 và 114 giờ, còn biến thể Omicron là 193,5 giờ. Trên da người, chủng virus ban đầu tồn tại 8,6 giờ, trong khi các biến thể trên tồn tại từ 11-19,6 giờ và Omicron là 21,1 giờ.

Trong nghiên cứu thứ hai, các tác giả so sánh thời gian chủng virus gốc của SARS-CoV-2 và biến thể Omicron trên các bề mặt nhẵn với bề mặt có lỗ rỗng, như thép không gỉ, tấm nhựa polypropylene (PP), thủy tinh, giấy ăn và giấy in. Nghiên cứu này không thí nghiệm với các biến thể khác như Delta. Kết quả là nhìn chung, Omicron tồn tại lâu hơn so với chủng virus gốc trên tất cả các bề mặt này (7 ngày so với 2-4 ngày). Đối với các bề mặt có lỗ rỗng, chủng virus ban đầu không thể tồn tại trên giấy ăn sau 30 phút. Lượng virus được phát hiện sau 5 phút trên giấy in giảm 99,68% và biến mất sau 15 phút. Tuy nhiên, biến thể Omicron vẫn có thể được phát hiện trên giấy ăn và trên giấy in sau 30 phút.

**II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Tính đến 16h00 ngày 25/3/2022, cả nước ghi nhận 8.761.252 ca mắc, trong đó 8.755.113 ca trong nước. Đến nay đã có 5.001.564 người khỏi bệnh, 42.145 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 8.758.400 ca, trong đó có 8.753.543 ca trong nước, 4.998.747 người đã khỏi bệnh (57%), 42.110 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

**III. Tình hình dịch trong ngày****1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 108.979 ca mắc mới, trong đó 108.957 ca ghi nhận trong nước (giảm 11.035 ca so với ngày hôm qua) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (10.803), Phú Thọ (4.555), Nghệ An (4.023), Yên Bái (3.997), Đắk Lắk (3.925), Bắc Giang (3.720), Lào Cai (3.690), Vĩnh Phúc (3.136), Thái Bình (2.915), Thái Nguyên (2.910), Quảng Bình (2.877), Bắc Ninh (2.806), Lạng Sơn (2.802), Hà Giang (2.795), Hải Dương (2.773), Quảng Ninh (2.654), Sơn La (2.642), Cà Mau (2.394), Bắc Kạn (2.314), Tuyên Quang (2.280), Bình Định (2.237), Bình Dương (1.999), Cao Bằng (1.971), Hòa Bình (1.970), Lâm Đồng (1.920), Hưng Yên (1.900), Vĩnh Long (1.726), Điện Biên (1.648), Lai Châu (1.615), Quảng Trị (1.604), Hà Nam (1.557), Tây Ninh (1.507), Bến Tre (1.433), Ninh Bình (1.314), Bình Phước (1.144), Hồ Chí Minh (1.139), Đắk Nông (1.128), Nam Định (1.040), Kon Tum (970), Phú Yên (884), Hà Tĩnh (849), Thanh Hóa (803), Trà Vinh (733), Bà Rịa - Vũng Tàu (698), Đà Nẵng (671), Thừa Thiên Huế (668), Quảng Ngãi (668), Khánh Hòa (657), Hải Phòng (612), Bình Thuận (464), Quảng Nam (341), Bạc Liêu (192), Kiên Giang (167), Long An (147), An Giang (132), Cần Thơ (117), Đồng Nai (99), Đồng Tháp (70), Sóc Trăng (54), Ninh Thuận (35), Tiền Giang (32), Hậu Giang (31).

+ Có 22 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hà Nội (18), Hòa Bình (2), Lạng Sơn (1), Nghệ An (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 22.392 ca mắc tại Hòa Bình, 20.005 ca tại Bắc Giang và 10.125 ca tại Vĩnh Phúc sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

Hòa Bình 22.392 ca, Bắc Giang 20.005 ca, Vĩnh Phúc 10.125 ca

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Kạn (+695), Phú Thọ (+278), Đắk Nông (+255).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Nội (-1.682), Bắc Ninh (-1.486), Lạng Sơn (-936).

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 83.428 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 76,6% tổng số mắc trong ngày), giảm 1.391 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 10.731 ca cộng đồng (tăng 6.363 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.240.393 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 3.328 ca cộng đồng (giảm 577 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 120.987 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 3.269 ca thông qua sàng lọc (tăng 77 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 92.597 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 3.078 ca thông qua sàng lọc (tăng 167 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 254.220 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Yên Bái tăng 5.040 ca, Bắc Kạn tăng 4.289 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hà Nội (giảm 45.084 ca), Bắc Ninh (giảm 13.326 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 4.998.747 người đã khỏi bệnh (57%), tăng 175.540 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.717.543 trường hợp, trong đó có 3.889 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.188 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 319; (3) Thở máy không xâm lấn: 84; (4) Thở máy xâm lấn: 292; (5) EMO: 6.

- Trong ngày 24/3, ghi nhận 70 trường hợp tử vong (tăng 9 ca so với ngày trước đó), tại:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (2) ca từ các tỉnh chuyển đến: Đồng Tháp (1), Bình Phước (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Đồng Nai (10 ca trong 2 ngày), Cà Mau (6 ca trong 2 ngày), Hà Nội (5), Kiên Giang (5), Gia Lai (4 ca trong 2 ngày), Phú Yên (4 ca trong 2 ngày), Bến Tre (3), Quảng Bình (3), Quảng Ninh (3), Vĩnh Long (3), Cao Bằng (2), Hậu Giang (2), Khánh Hòa (2 ca trong 2 ngày), An Giang (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bạc Liêu (1), Bình Phước (1), Bình Thuận (1), Đắk Lắk (1), Hà Giang (1), Hà Tĩnh (1), Lạng Sơn (1), Nam Định (1), Phú Thọ (1), Quảng Ngãi (1), Thái Nguyên (1), Thanh Hóa (1), Trà Vinh (1), Yên Bái (1).

#### IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

- Tiếp tục phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao và các đơn vị liên quan triển khai cấp hộ chiếu vắc xin điện tử trên toàn quốc.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

#### V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 24/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 43.471.410 mẫu cho 86.796.553 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 37.738.246 mẫu tương đương 83.048.614 lượt người, tăng 140.908 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.975.092 mẫu gộp cho 49.331.174 lượt người.

#### VI. Công tác tiêm chủng:

##### 1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 25/3/2022 là 227,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ			Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước		Tài trợ doanh nghiệp
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7) = 2+3

1	AstraZeneca	31.436.236	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	65.067.076
2	Pfizer	50.999.130	38.653.080	34.061.040	4.592.040	0	89.652.210
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
<b>I</b>	<b>Tổng số vắc xin đã tiếp nhận</b>	107.435.366	120.381.278	61.731.580	31.786.300	26.863.398	227.816.644
<b>II</b>	<b>Tổng số vắc xin đã phân bổ</b>						<b>205.230.544</b>
<b>III</b>	<b>Số vắc xin viện trợ cho Lào</b>						<b>500.000</b>
<b>IV</b>	<b>Số vắc xin chưa phân bổ</b>						<b>22.086.100</b>

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 227,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

## 2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 24/3/2022

Cả nước đã tiêm 204.566.009 liều (trong ngày tiêm được 343.189 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 99,7% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng <sup>1</sup>	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,2%	46,7%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,3%	94,4%	-

Ghi chú: (\*) Mũi nhắc lại

**- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 187.439.234 liều:**

+ Mũi 1: 71.196.843 liều

+ Mũi 2: 69.450.771 liều ; Mũi bổ sung: 14.789.217 liều.

+ Mũi 3: 32.002.403 liều

**- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.126.775 liều:**

+ Mũi 1: 8.777.395 liều

+ Mũi 2: 8.349.380 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

**VII. Hoạt động của các Bộ, ngành:** chi tiết tại Phụ lục 4.

<sup>1</sup> Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

## VIII. Nhận định

Số ca mắc cộng đồng trung bình 92.000 ca/ngày và tử vong trung bình 66 ca/ngày trong tuần qua. Các trường học đã từng bước mở cửa trở lại và mở cửa du lịch từ 15/3/2022, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả biến thể Omicron và thậm chí có thể sẽ có những biến thể mới khác ngoài biến thể Omicron, trong bối cảnh dần mở cửa các hoạt động xã hội, phát triển kinh tế trở lại sẽ làm gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao mắc bệnh nặng (người già, người có bệnh nền).

## IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

### 2. Về công tác y tế:

(1) Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

(2) Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

(3) Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên...để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

(4) Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

(5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

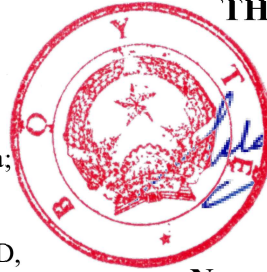
3. Tiếp tục rà soát tổng thể các chính sách an sinh xã hội đang triển khai để kịp thời cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp chặt chẽ với các tiểu ban, cơ quan chức năng liên quan, chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ an sinh

xã hội thiết thực, hiệu quả, phù hợp, thích ứng tình hình mới theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ.

4. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và mọi tầng lớp nhân dân tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình tại cơ sở trong phòng, chống dịch, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TU, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trường Sơn**



**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 24/3	Số mắc ngày 25/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 25/3	Số tử vong tích lũy đến 24/3
<b>Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:</b>		<b>119.992</b>	<b>108.957</b>	<b>- 11.035</b>	<b>8.753.341</b>	<b>42.110</b>
1	Hà Nội	12.485	10.803	-1.682	1.240.393	1.202
2	Hồ Chí Minh	1.241	1139	-102	589.290	20.463
3	Bình Dương	2.857	1999	-858	369.834	3.433
4	Nghệ An	4.184	4.023	-161	368.703	132
5	Hải Dương	3.459	2.773	-686	332.330	104
6	Bắc Ninh	4.292	2.806	-1.486	314.858	131
7	Vĩnh Phúc	2.887	3136	249	311.665	19
8	Bắc Giang	3.991	3720	-271	291.914	82
9	Quảng Ninh	2.669	2654	-15	262.616	108
10	Phú Thọ	4.277	4555	278	254.220	78
11	Nam Định	1.120	1040	-80	226.151	143
12	Hưng Yên	2.424	1900	-524	203.991	5
13	Thái Bình	3.235	2915	-320	191.273	20
14	Hòa Bình	2.398	1970	-428	186.203	101
15	Thái Nguyên	2.794	2910	116	155.138	98
16	Thanh Hóa	848	803	-45	129.301	100
17	Cà Mau	2.440	2394	-46	131.975	328
18	Lào Cai	3.974	3690	-284	132.570	33
19	Sơn La	2.953	2642	-311	124.864	
20	Lạng Sơn	3.738	2802	-936	125.002	67
21	Tây Ninh	1.485	1507	22	121.104	859
22	Tuyên Quang	2.293	2280	-13	121.919	13
23	Đắk Lắk	4.463	3925	-538	120.987	143
24	Hải Phòng	635	612	-23	113.384	135
25	Khánh Hòa	730	657	-73	112.213	338
26	Bình Định	2.422	2237	-185	114.945	258
27	Đồng Nai	179	99	-80	105.619	1.813
28	Bình Phước	1.258	1144	-114	105.053	211
29	Đà Nẵng	678	671	-7	89.499	317
30	Quảng Bình	3.046	2877	-169	92.411	70
31	Hà Giang	2.838	2795	-43	91.256	76
32	Yên Bái	3.995	3997	2	92.597	10
33	Ninh Bình	1.296	1314	18	84.741	86
34	Bến Tre	2.132	1433	-699	85.020	429
35	Vĩnh Long	1.829	1726	-103	82.655	791
36	Điện Biên	2.050	1648	-402	72.750	16
37	Lâm Đồng	1.927	1920	-7	71.324	115
38	Cao Bằng	1.789	1971	182	69.767	39
39	BRVT	838	698	-140	63.922	478
40	Hà Nam	1.659	1557	-102	65.272	57
41	Quảng Trị	1.945	1604	-341	62.961	33
42	Trà Vinh	1047	733	-314	59.043	270
43	Lai Châu	1.800	1615	-185	56.605	
44	Đồng Tháp	51	70	19	49.500	982
45	Cần Thơ	86	117	31	48.503	927

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 24/3	Số mắc ngày 25/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 25/3	Số tử vong tích lũy đến 24/3
46	Gia Lai			0	46.511	91
47	Bình Thuận	528	464	-64	47.488	455
48	Long An	142	147	5	46.474	990
49	Bạc Liêu	218	192	-26	43.875	433
50	Phú Yên	1059	884	-175	44.320	117
51	Đắc Nông	873	1128	255	43.942	43
52	Quảng Nam	350	341	-9	41.866	128
53	An Giang	161	132	-29	38.559	1.352
54	Kiên Giang	179	167	-12	37.425	957
55	Bắc Kạn	1.619	2314	695	40.527	17
56	T.T.Huê	677	668	-9	37.726	172
57	Tiền Giang	26	32	6	35.982	1.220
58	Quảng Ngãi	792	668	-124	35.998	117
59	Hà Tĩnh	998	849	-149	35.606	32
60	Sóc Trăng	61	54	-7	33.741	598
61	Kon Tum	1.494	970	-524	22.556	
62	Hậu Giang	50	31	-19	17.176	218
63	Ninh Thuận	28	35	7	8.228	57
<b>14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:</b>						
<b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b>					<b>202</b>	<b>-</b>
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>119.992</b>	<b>108.957</b>	<b>-11.035</b>	<b>8.753.543</b>	<b>42.110</b>



**PHỤ LỤC 2**  
**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 24/3/2022)**

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.230.140	6.000.023	0	233.244	4.065.328	702.166	676.749	17.907.650	100,9%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.159.540	1.196.401	98.511	282.950	427.505	150.888	146.370	3.462.165	109,6%
4	Nam Định	3.209.500	1.145.664	1.128.801	0	58.539	753.087	158.398	156.097	3.400.586	106,0%
5	Hà Nam	1.823.260	583.252	574.279	0	276.213	256.959	71.440	69.249	1.831.392	100,4%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.166	78.443	2.055.499	118,0%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	417.842	1.263.927	283.977	281.834	6.888.213	89,0%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.070.731	149.985	149.460	4.123.723	111,4%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.136.932	1.094.313	0	360.434	487.732	115.527	108.163	3.303.101	105,9%
10	Phú Thọ	2.482.660	1.002.859	1.000.022	0	287.308	410.375	127.588	124.224	2.952.376	118,9%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	793.840	772.897	0	242.751	398.321	114.275	112.331	2.434.415	105,7%
12	Hải Dương	3.317.176	1.335.756	1.284.510	5.429	101.139	538.460	157.247	154.587	3.577.128	107,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.407.650	914.019	888.549	12.792	206.511	277.948	108.213	106.691	2.514.723	104,4%
15	Bắc Cạn	600.140	219.783	217.516	0	13.814	85.122	25.235	23.711	585.181	97,5%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	552.604	519.945	0	234.760	166.598	75.444	71.462	1.620.813	97,9%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	802.794	737.965	0	271.495	182.935	113.667	111.801	2.220.657	97,8%
20	Lai Châu	785.810	256.326	246.250	0	108.161	98.860	53.859	48.113	811.569	103,3%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.017	501.841	0	0	428.645	66.528	62.859	1.570.890	90,2%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.221	490.271	0	40.926	298.973	70.237	67.026	1.460.654	102,5%
23	Hà Giang	1.732.720	489.479	476.096	529	182.320	225.274	88.660	84.838	1.547.196	89,3%
24	Cao Bằng	995.520	350.766	332.510	0	73.069	125.872	45.548	41.433	969.198	97,4%
25	Yên Bái	1.643.174	517.731	508.215	0	265.103	212.480	79.169	75.657	1.658.355	100,9%
26	Lào Cai	1.539.820	466.903	455.761	0	256.383	133.441	80.942	74.857	1.468.287	95,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
27	Son La	1.839.820	739.293	699.768	2.334	0	285.091	141.533	132.298	2.000.317	108,7%
28	Điện Biên	1.145.460	335.759	318.704	0	228.303	83.847	72.701	58.834	1.098.148	95,9%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>85.931.396</b>	<b>29.762.089</b>	<b>28.950.793</b>	<b>908.878</b>	<b>5.996.019</b>	<b>14.815.345</b>	<b>3.824.964</b>	<b>3.690.525</b>	<b>87.948.613</b>	<b>102,3%</b>
29	Quảng Bình	1.562.332	537.249	520.347	0	165.733	156.941	79.715	68.720	1.528.705	97,8%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.146	416.449	10.600	65.571	216.836	64.845	60.284	1.267.731	97,0%
31	TT- Huế	2.428.386	787.220	766.833	0	274.758	308.379	103.890	98.447	2.339.527	96,3%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.158	856.174	0	82.186	784.756	102.158	99.989	2.790.421	111,8%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.079.009	1.041.903	32.127	396.977	285.903	132.605	130.337	3.098.861	97,1%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	801.395	0	109.313	421.957	113.712	111.101	2.410.302	87,5%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.600	1.016.171	53.874	356.295	310.137	141.277	139.122	3.066.476	103,1%
36	Phú Yên	1.732.454	626.350	598.417	502	77.991	267.104	85.624	80.618	1.736.606	100,2%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.186	403.045	0	151.770	168.834	61.656	58.834	1.276.325	103,5%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.094	887.470	7.207	270.841	171.893	132.154	128.046	2.512.705	92,4%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>25.156.914</b>	<b>8.557.536</b>	<b>8.261.123</b>	<b>104.310</b>	<b>2.347.019</b>	<b>3.446.503</b>	<b>1.139.725</b>	<b>1.091.024</b>	<b>24.947.240</b>	<b>99,2%</b>
40	Kon Tum	1.026.100	321.380	321.310	10.696	94.044	108.929	58.967	55.533	970.859	94,6%
41	Gia Lai	2.759.482	996.091	916.937	78.914	216.022	265.626	167.610	145.125	2.786.325	101,0%
42	Đắk Lắk	3.430.970	1.259.841	1.200.639	0	517.982	261.095	178.061	164.158	3.581.776	104,4%
43	Đắk Nông	1.288.580	403.216	399.426	0	210.091	135.484	68.070	65.742	1.282.029	99,5%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>8.505.132</b>	<b>2.980.528</b>	<b>2.838.312</b>	<b>89.610</b>	<b>1.038.139</b>	<b>771.134</b>	<b>472.708</b>	<b>430.558</b>	<b>8.620.989</b>	<b>101,4%</b>
44	TP. HCM	20.329.820	7.395.360	6.680.686	0	679.810	4.227.833	728.791	684.112	20.396.592	100,3%
45	BR-VT	2.756.640	971.107	910.671	0	17.360	634.560	110.539	109.284	2.753.521	99,9%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.003	2.358.642	0	173.030	605.557	284.677	274.559	6.418.468	96,3%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.252	1.278.679	130.238	105.412	774.669	156.887	158.098	3.929.235	102,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
48	Long An	4.337.696	1.501.464	1.464.861	0	22.786	1.140.564	171.747	157.212	4.458.634	102,8%
49	Lâm Đông	2.991.030	982.790	966.333	0	526.408	241.578	138.865	120.218	2.976.192	99,5%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.471	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.265	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.411	943.426	6.003	342.608	288.638	110.115	102.542	2.737.743	99,0%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.364.015	1.345.896	191.359	440.002	292.419	204.041	188.953	4.026.685	98,6%
54	Bến Tre	3.005.278	1.023.759	1.007.624	0	470.862	252.411	106.936	104.685	2.966.277	98,7%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.900	764.904	0	290.632	338.787	92.890	88.112	2.354.225	100,7%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.267.174	752.719	721.210	0	214.707	170.470	109.584	100.949	2.069.639	91,3%
60	Kiên	3.790.150	1.238.102	1.174.115	68.630	0	485.416	167.347	159.082	3.292.692	86,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Giang										
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.493	560.256	0	179.891	207.120	88.822	86.185	1.690.767	104,1%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.732	514.611	0	253.646	132.280	74.042	71.613	1.578.924	103,2%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>82.169.722</b>	<b>29.262.162</b>	<b>27.344.096</b>	<b>396.378</b>	<b>5.408.040</b>	<b>12.576.637</b>	<b>3.339.998</b>	<b>3.137.273</b>	<b>81.464.584</b>	<b>99,1%</b>

**Ghi chú:**

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.448.324 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 354.321 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

**PHỤ LỤC 3**  
**TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 24/3/2022)**

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	74,6%	100,0%	100,1%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,1%	96,1%	34,3%	100,6%	97,6%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	98,8%	97,4%	65,0%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,3%	93,8%	42,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	57,3%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	83,6%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,1%	95,4%	42,5%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	99,0%	40,6%	99,1%	96,5%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,8%	50,4%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,1%	99,8%	98,1%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	30,3%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,8%	98,8%	38,7%	100,0%	94,1%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,9%	91,2%	29,2%	100,0%	96,9%



TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,8%	23,0%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,1%	94,2%	37,8%	100,0%	91,6%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,1%	84,6%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	61,2%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	99,9%	97,2%	46,0%	98,6%	94,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,1%	34,1%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,6%	41,6%	100,0%	95,6%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	30,0%	100,0%	93,7%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	94,9%	38,7%	99,9%	93,4%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,0%	94,0%	24,7%	100,0%	87,1%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>28.807.267</b>	<b>3.786.256</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>51,4%</b>	<b>100,0%</b>	<b>97,5%</b>
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,2%	96,1%	29,0%	100,0%	86,4%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,5%	91,8%	47,8%	99,0%	92,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,3%	39,5%	100,0%	95,4%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,7%	88,7%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,3%	95,9%	26,3%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,0%	49,5%	99,0%	96,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,1%	27,8%	96,4%	95,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,4%	92,1%	41,1%	99,9%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,4%	41,2%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,3%	19,0%	100,0%	99,3%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>8.629.332</b>	<b>1.152.519</b>	<b>99,2%</b>	<b>95,7%</b>	<b>39,9%</b>	<b>98,9%</b>	<b>94,7%</b>
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	32,2%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,5%	28,0%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	20,6%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	33,5%	98,9%	95,5%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>2.959.865</b>	<b>481.800</b>	<b>100,0%</b>	<b>95,9%</b>	<b>26,1%</b>	<b>98,1%</b>	<b>89,4%</b>
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	61,9%	87,6%	82,3%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,2%	66,3%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,7%	24,3%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,3%	59,6%	99,0%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,5%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,4%	24,9%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,5%	30,5%	97,7%	90,9%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	21,3%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	97,0%	24,3%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	44,1%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	93,0%	55,2%	100,0%	86,5%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,1%	22,5%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	40,8%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	36,2%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	24,7%	100,0%	100,0%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>28.122.551</b>	<b>3.420.904</b>	<b>100,0%</b>	<b>97,2%</b>	<b>44,7%</b>	<b>100,0%</b>	<b>91,7%</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19**  
**của một số Bộ, ngành**

**I. Bộ Quốc phòng**

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 24/3/2022 đến 16h00 ngày 25/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.211 lượt người (nhập cảnh: 1.876, xuất cảnh: 2.335).
- + Tuyến VN-TQ: 227 lượt người (nhập cảnh: 83, xuất cảnh: 144).
- + Tuyến VN-Lào: 2.030 lượt người (nhập cảnh 1.003, xuất cảnh: 1.027).
- + Tuyến VN-CPC: 1.954 lượt người (nhập cảnh 790; xuất cảnh: 1.164).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 837 người trong đó:
  - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 762 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 109, VN-CPC: 652).
  - + Số người nhập cảnh trái phép: 69 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 0, VN-CPC: 67).
  - + Số người trao trả: 06 người (VN-TQ: 06; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

**II. Bộ Công an**

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 24/3/2022 tới ngày 25/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 4.182 lượt người (nhập cảnh: 2.689 lượt người; xuất cảnh: 1.493 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 6.504 lượt người (nhập cảnh: 3.140 lượt người; xuất cảnh: 3.364 lượt người).

**III. Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 25/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 34 tin/bài tiếng Việt; 37 ảnh trong nước và quốc tế; 11 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 3 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN phản ánh việc quản lý, điều trị bệnh nhân COVID-19; tình hình và nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương như giảm tỷ lệ bệnh nhân tử vong do COVID-19; khuyến cáo người dân không chủ quan trong công tác phòng, chống dịch...

TTXVN tiếp tục cập nhật diễn biến dịch trên thế giới và chú trọng thông tin về các nghiên cứu khoa học, dự báo của giới chuyên gia, các nước tiếp tục dỡ bỏ quy định... trong đó có các thông tin đáng chú ý như Australia sắp bãi bỏ quy định xét nghiệm bắt buộc đối với du khách quốc tế; Nhật Bản chi hơn 1.400 tỷ yen ứng phó với dịch COVID-19; Australia khuyến nghị tiêm liều vaccine thứ 4 cho một số nhóm đối

tượng; Thái Lan mua 50.000 liệu trình thuốc điều trị Paxlovid; Singapore và Malaysia mở cửa đường biên đi lại không cần xét nghiệm COVID-19...

#### **IV. Bộ Thông tin và truyền thông**

##### **1. Viễn thông**

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 23/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.501.000 cuộc gọi (ngày 23/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 4 nghìn cuộc gọi).

13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3
4024	5251	5319	5351	5637	5835	5095	4094	4337	3910	4140

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 23/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 23/3/2022 đã tiếp nhận 32 cuộc).

Tiêu chí	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3
Cuộc gọi đến	31	34	37	29	41	32	27	23	26	29	32

##### **2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:**

###### **2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:**

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 41.536.011, chiếm 43,30% dân số, 62,29% số điện thoại thông minh.

###### **2.2 Triển khai QR code**

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.782.266 điểm đăng ký

+ 70.278 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 271.238.804

###### **2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:**

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 204.221.688

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 190.486.210
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,27%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sở sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.498.222
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu: 21.310.254
- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 8.856.746

### 3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

#### (1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.
- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: triệt phá đường dây tiêu thụ thuốc tân dược trị COVID-19; đảm bảo an toàn phòng dịch khi mở lại các hoạt động ngoài trời...
- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

#### (2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Chiều 23/3, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã thông qua dự thảo Nghị quyết về số giờ làm thêm trong 1 năm, trong 1 tháng của người lao động trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

- Bộ Y tế cho biết, trong tổng số 227,8 triệu liều vắc-xin COVID-19 đã tiếp nhận, đến ngày 22/3, đã phân bổ 205,2 triệu liều, số vắc-xin còn lại chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc-xin...

- Theo báo cáo của Bộ Y tế, Việt Nam đang có 3 ứng viên vắc-xin COVID-19 sản xuất trong nước và chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, đến nay, cả nước đã tiêm trên 202 triệu mũi, vắc-xin nội nếu hoàn tất nghiên cứu, phát triển và được cấp phép cũng khó có khả năng được sử dụng trong 2 mũi tiêm cơ bản trong nước. Các nhà sản xuất vắc-xin nội chỉ còn cơ hội ở các mũi tiêm nhắc lại, nhưng rất cần Bộ Y tế có hướng dẫn và triển khai thử nghiệm lâm sàng các mũi nhắc lại.

- Theo Hãng tin Bloomberg, các ca COVID-19 đang gia tăng ở một số nước châu Âu như Pháp, Ý, Anh, Áo và Đức. Trung Quốc, quốc gia duy trì chiến lược “Zero COVID” cũng phải vật lộn với sự gia tăng các ca nhiễm mới. Mỹ cũng đã bắt đầu báo động. Làn sóng nhiễm dịch mới diễn ra chủ yếu ở các quốc gia loại bỏ các hạn chế đi lại quá sớm. Trong khi đó, BA.2, biến thể phụ của Omicron, dễ lây lan hơn bắt đầu lan rộng.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Theo báo cáo đánh giá cấp độ dịch mới nhất, hiện TP.HCM có 280/312 xã phường ở cấp độ dịch 1 - vùng xanh, 32 xã phường ở vùng vàng; không còn xã, phường vùng đỏ và cam.

+ TP.HCM đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu F0 khai báo qua mạng với 8 máy chủ được đảm bảo an toàn và an ninh dữ liệu, cùng với tốc độ đường truyền được cải thiện rõ rệt, việc chuyển đổi số toàn bộ công tác khai báo, quản lý F0 qua mạng đang từng bước được cải thiện.

- Hà Nội:

+ Đề tài về những ngày tháng chống dịch thắng lớn tại giải báo chí của Hà Nội. Đó là Giải báo chí về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội; Giải báo chí về phát triển văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh lần thứ IV - năm 2021.

+ Hà Nội kiểm tra và thu giữ số lượng lớn thuốc chữa COVID-19 chưa được cấp phép. Qua tìm hiểu, sản phẩm thuốc chữa COVID-19 Keo vàng vi lượng hiện tại vẫn chưa có bất cứ bằng chứng khoa học nào chứng minh công dụng trong việc hỗ trợ điều trị các bệnh nhân F0. Các thông tin được ghi trên bao bì sản phẩm thiếu rõ ràng, khách hàng mua sản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tiềm ẩn nhiều hệ lụy.

+ Không gian đi bộ hồ Gươm và khu vực phụ cận trong 3 ngày đầu mở lại đã đón trên 40.000 lượt người. Từ khi không gian phố đi bộ hồ Gươm được mở lại, tại các chốt ra vào, các đơn vị đã chuẩn bị đầy đủ khẩu hiệu 5K, máy đo thân nhiệt và máy khử khuẩn tự động... kiểm soát người vào tuyến phố.

- Lạng Sơn: yêu cầu Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các cơ quan liên quan tăng cường tuyên truyền, phổ biến, tập huấn quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Y tế về mua, bán, sử dụng thuốc điều trị COVID-19; lấy mẫu kiểm nghiệm để kiểm tra chất lượng thuốc; tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện và ngăn chặn các hoạt động mua, bán thuốc điều trị COVID-19 không rõ nguồn gốc, xuất xứ, thuốc giả, thuốc nhập lậu; kiểm tra, xử lý hành vi lợi dụng tình hình khan hiếm thuốc trên thị trường để đầu cơ, găm hàng, lợi dụng dịch bệnh để tăng giá bán thuốc điều trị COVID-19 bất hợp lý.

- Hải Phòng: nhiều đường dây tiêu thụ thuốc tân dược được giới thiệu là chuyên đặc trị COVID-19 chưa được cấp phép đã bị lực lượng công an triệt phá.